

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn.

2. Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông **Tô Minh V**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông Tô Minh V chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông V nghe lời cha mẹ đối xử không tốt với bà, ông V nghi ngờ bà không chung thủy nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với nhau và vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay. Bà xét thấy không thể tiếp tục chung sống với ông V nên bà yêu cầu ly hôn ông Tô Minh V.

Về con chung có ba người con chung tên là Tô Như A (giới tính nữ), sinh ngày 24 tháng 4 năm 1997; Tô Chí T (giới tính nam), sinh ngày 09 tháng 9 năm 1998 và Tô Chí C (giới tính nam), sinh ngày 26 tháng 12 năm 2005. Đối với Tô Như A và Tô Chí T đã trưởng thành và có đầy đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Tô Chí C hiện nay do ông Dương đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà đồng ý giao người con chung tên Tô Chí C cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên tòa bị đơn ông Tô Minh V trình bày: Ông và bà Trần Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm. Bà H yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Về con chung trong quá trình chung sống có ba người con chung đúng như bà H trình bày. Đối với hai người con chung tên Tô Như A, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1997 và Tô Chí T, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1998 đã thành niên và có đủ khả năng nuôi sống bản thân nên không xem xét. Đối với Tô Chí C sinh ngày 26 tháng 12 năm 2005 hiện nay ông đang trực tiếp nuôi dưỡng, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Tô Chí C, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Tô Minh V là quan hệ tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Tô Minh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà H và ông V không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Tô Minh V.

[3] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông V có ba người con chung tên là Tô Như A (giới tính nữ), sinh ngày 24 tháng 4 năm 1997; Tô Chí T (giới tính nam), sinh ngày 09 tháng 9 năm 1998 và Tô Chí C (giới tính nam), sinh ngày 26 tháng 12 năm 2005. Đối với Tô Như A và Tô Chí T đã thành niên và có đủ khả năng nuôi sống bản thân nên không xem xét. Đối với Tô Chí C, bà H đồng ý giao cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Dương đồng ý nuôi dưỡng Tô Chí C. Xét thấy sự thỏa thuận về nuôi con chung của bà H và ông V là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với nguyện vọng của người con chung tên Tô Chí C thể hiện tại biên bản ghi lời khai ngày 05 tháng 7 năm 2017. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và ông V, giao người con chung tên Tô Chí C cho ông Tô Minh V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Ông Dương không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà H phải chịu 300.000đ, bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Tô Minh V.

- Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Tô Chí C (giới tính nam), sinh ngày 26 tháng 12 năm 2005 cho ông Tô Minh V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006537 ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Việt Triều